



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Phụ Gia Nhựa

Ngày 30/06/2025	5,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.5%	-	-

DT thuần Q2/25
29.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.7 -26.8%
YoY: ▼26.5 -47.7%

LN thuần Q2/25
0.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.47 113%
YoY: ▼2.62 -93.8%

LN sau thuế Q2/25
0.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.02 -9.5%
YoY: ▼1.73 -88.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
5.4%
YoY: +/-▲ 1.4%

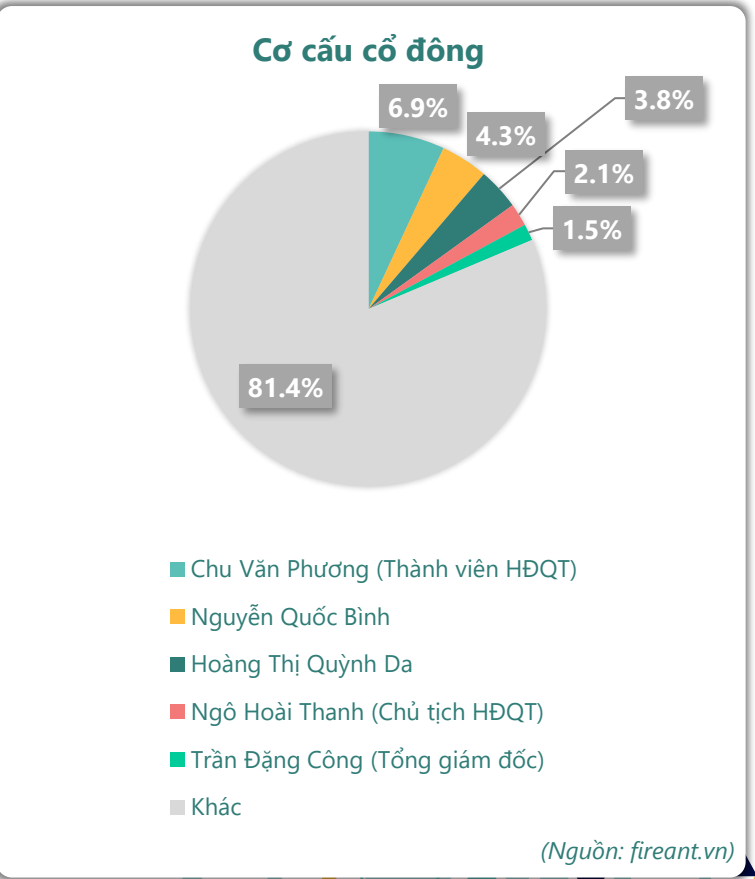
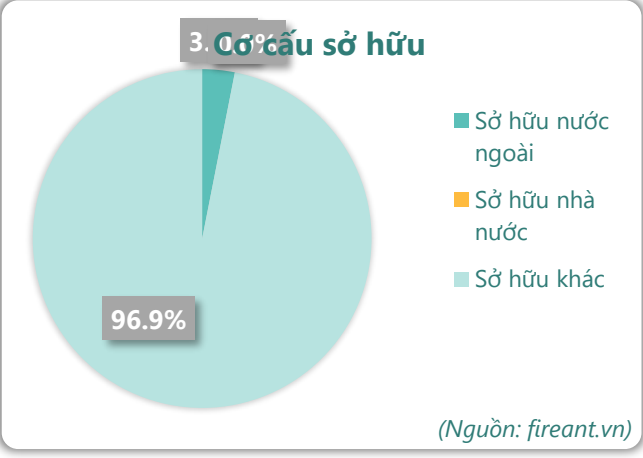
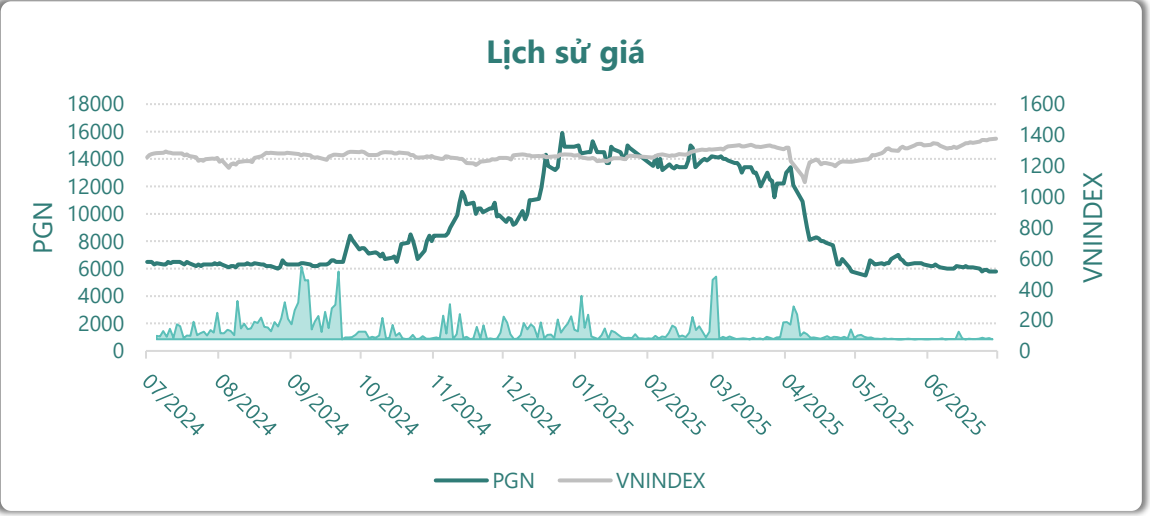
ROE (TTM) Q2/25
-1.1%
YoY: +/-▼ 1.6%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,500 - 15,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	55
Số lượng CPLH (CP)	9,464,859
KLGD BQ 20 phiên (CP)	129,021
Sở hữu nước ngoài	3.1%
Beta	0.27
EPS	-125
P/E	-46.4

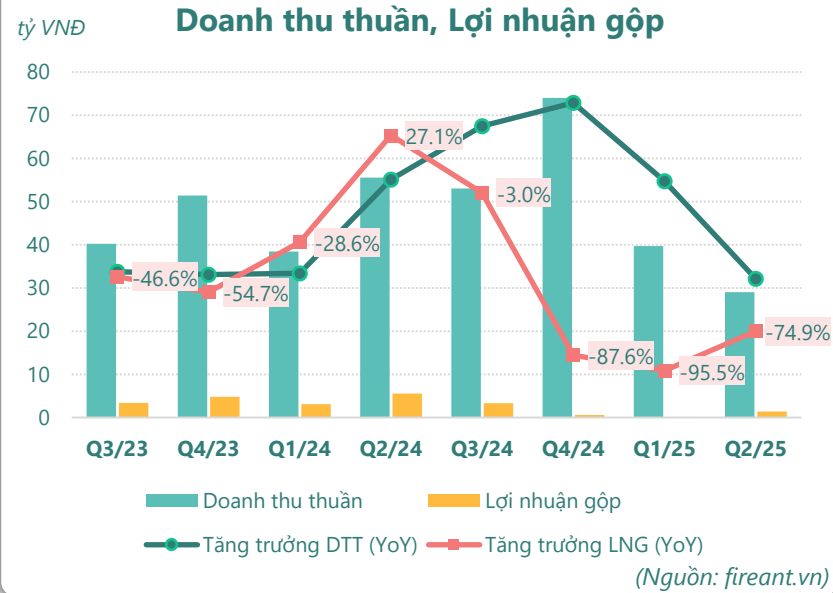
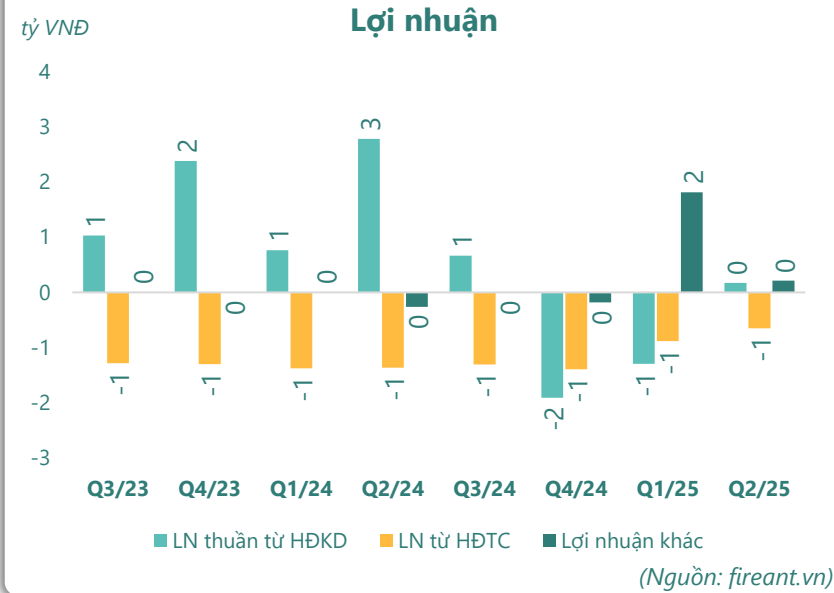
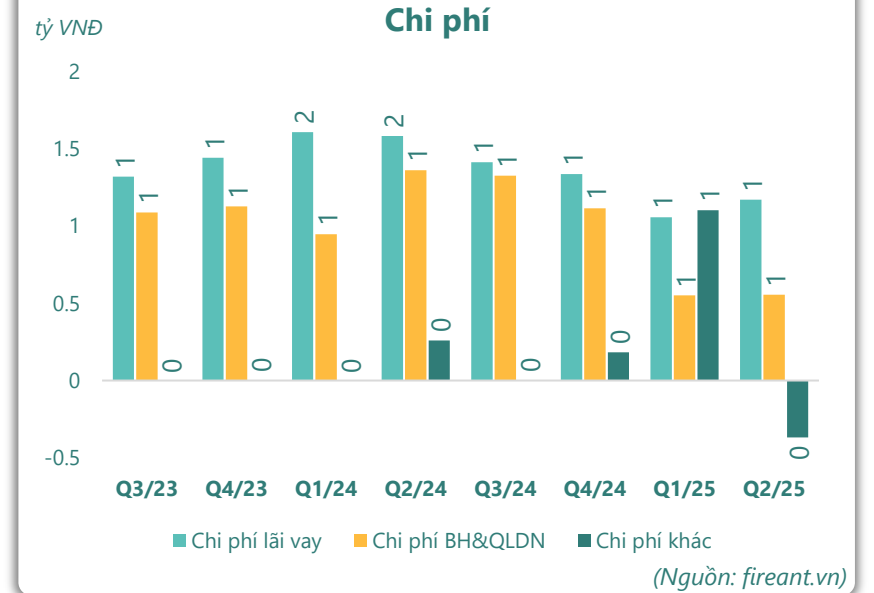
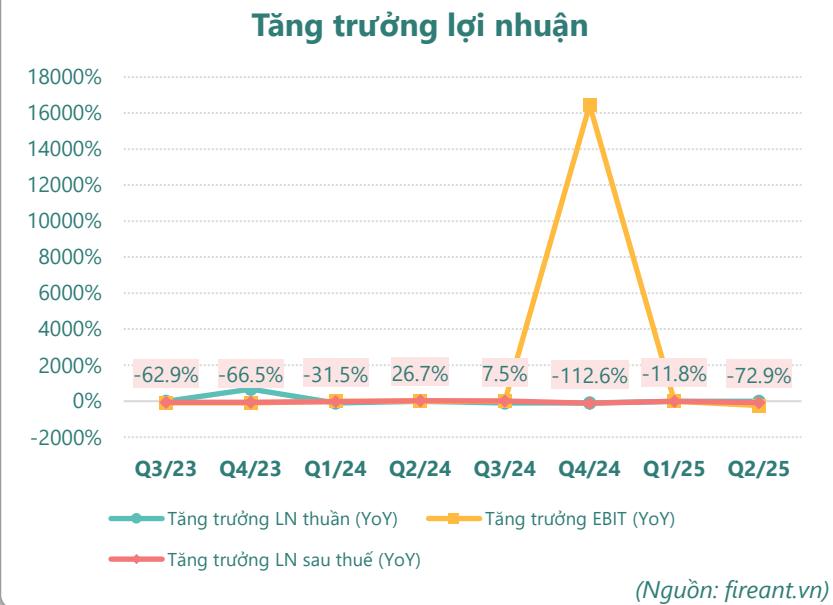
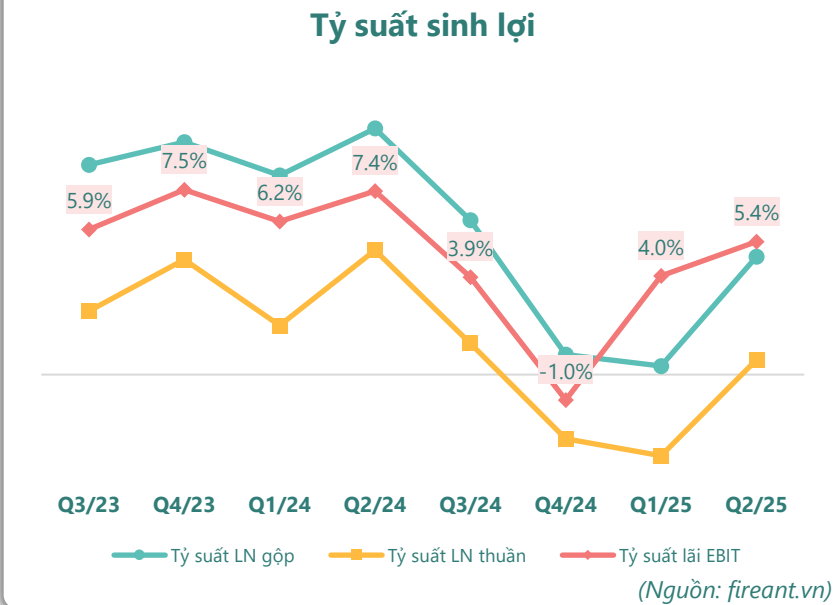
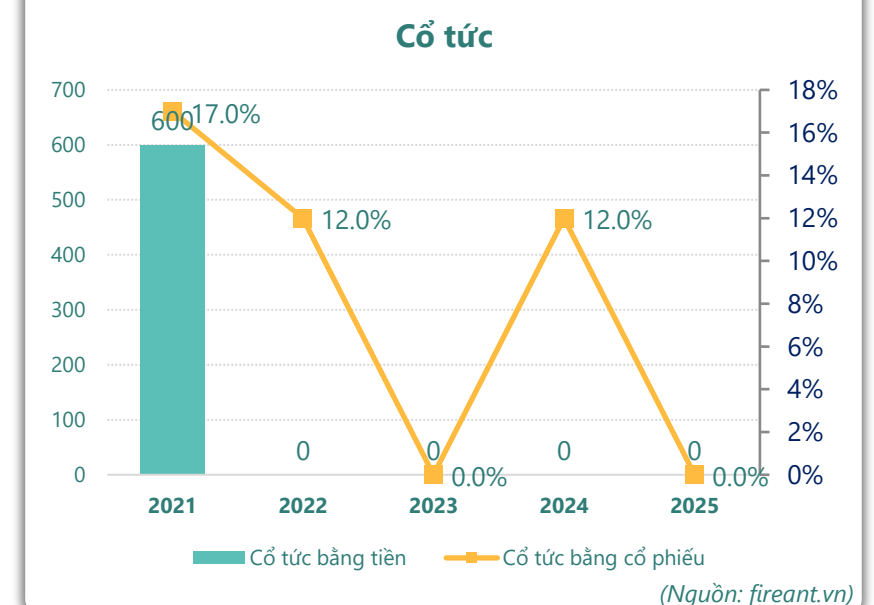
DT thuần 6T 2025
68.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.3 -26.9%

LN thuần 6T 2025
-1.13
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.68 -132%

LN sau thuế 6T 2025
0.49
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.94 -79.7%



KẾT QUẢ KINH DOANH

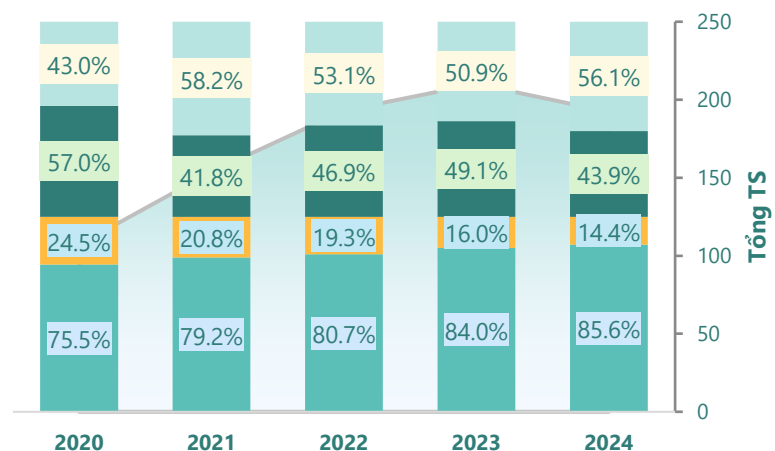




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

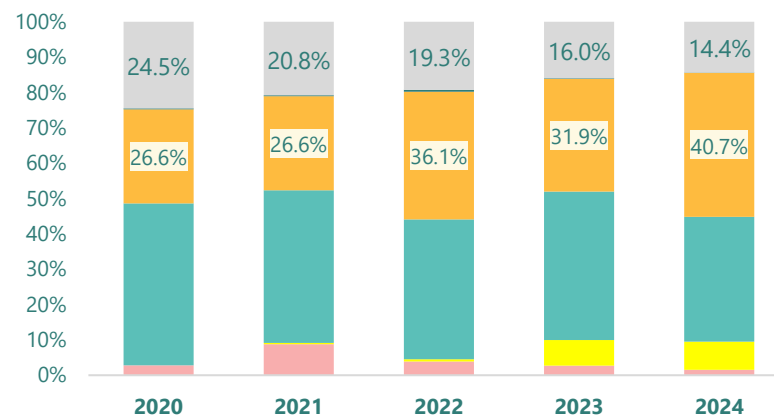
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

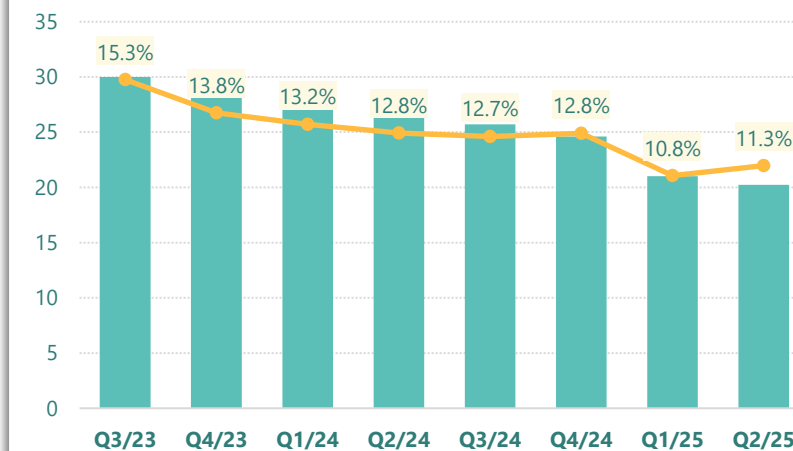


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Hàng tồn kho TS ngắn hạn TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

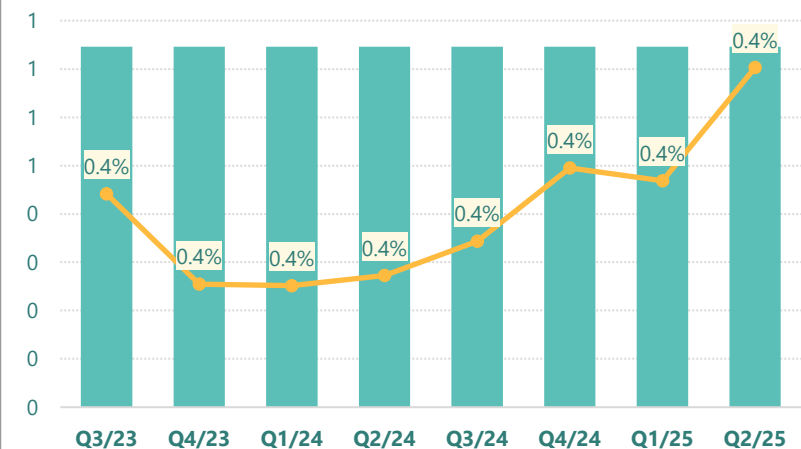


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

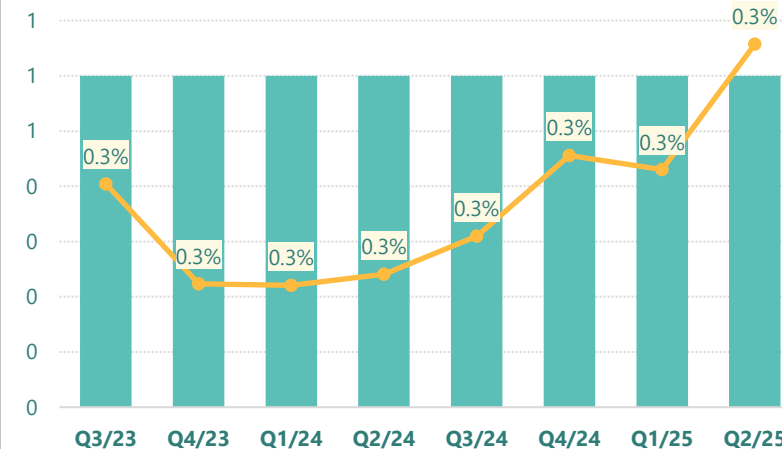


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

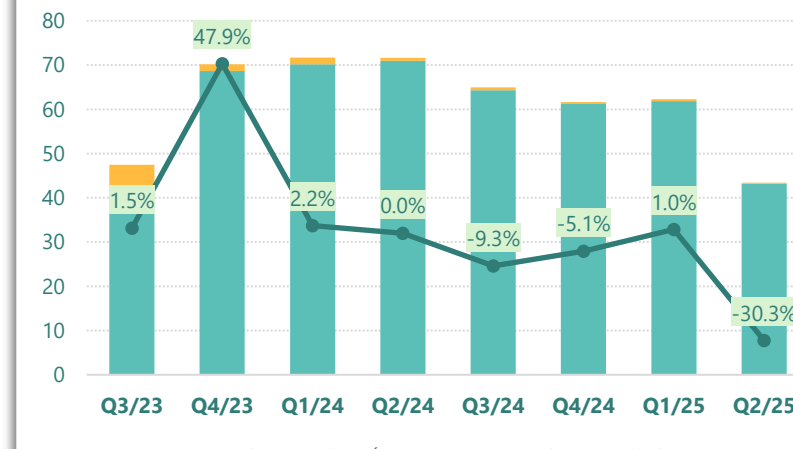


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

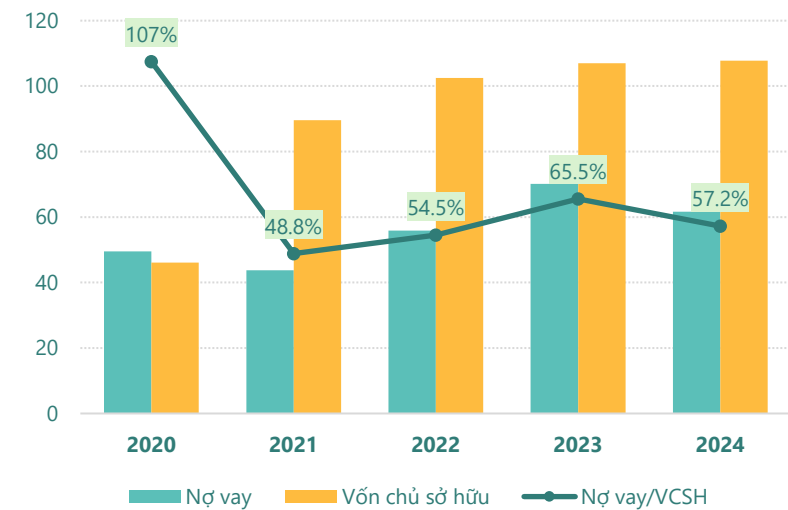
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

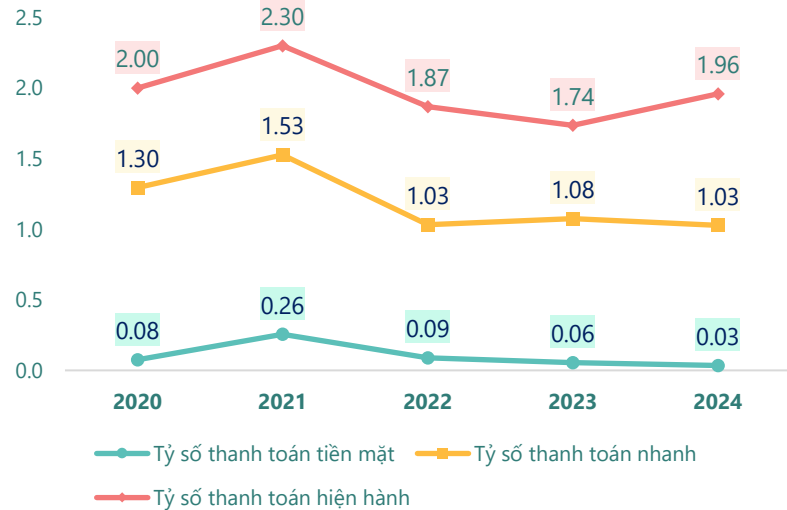
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



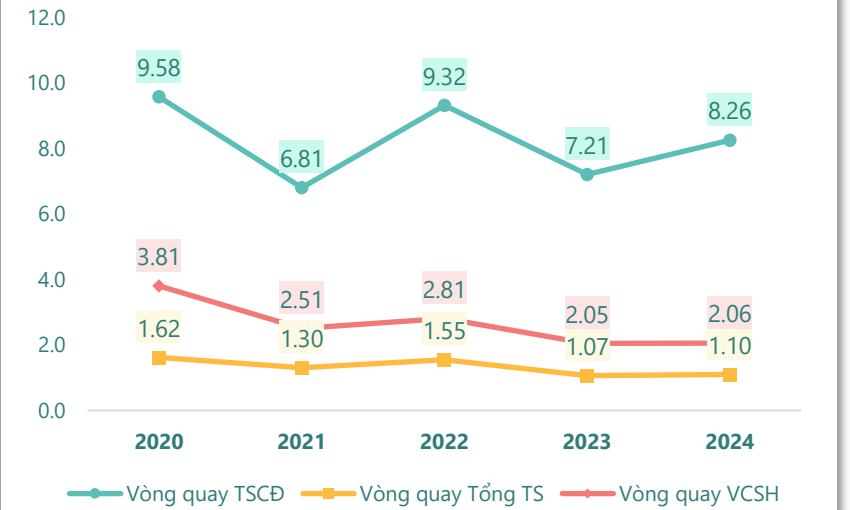
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



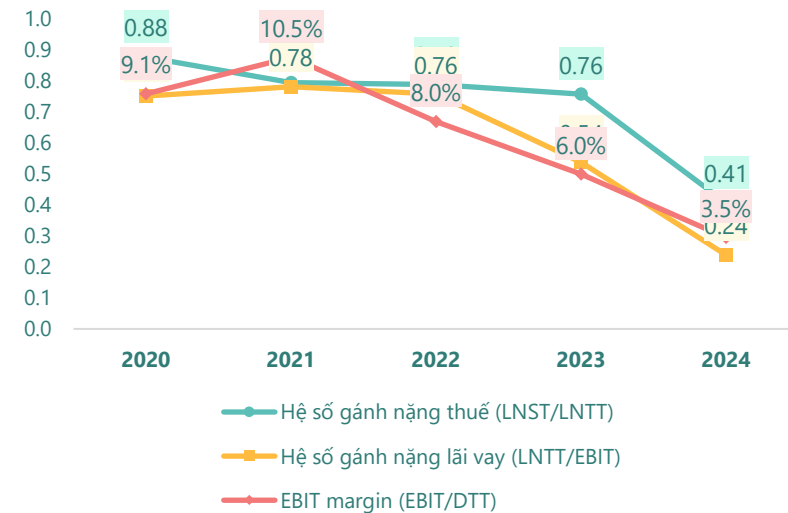
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



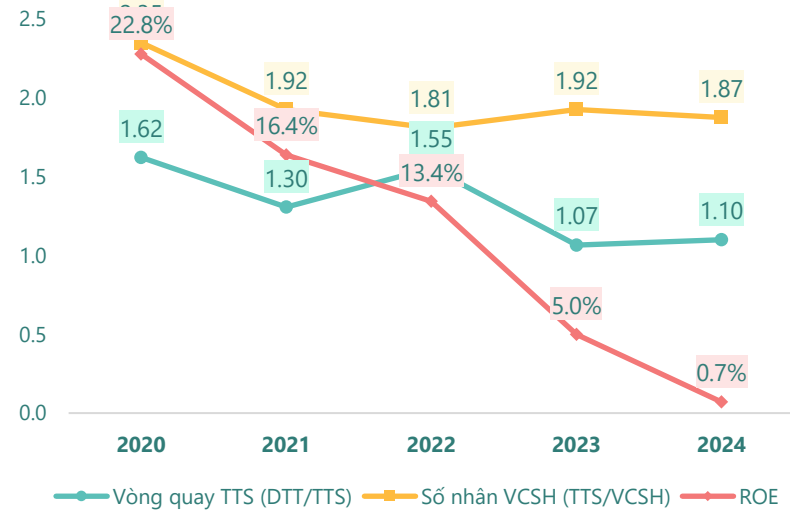
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



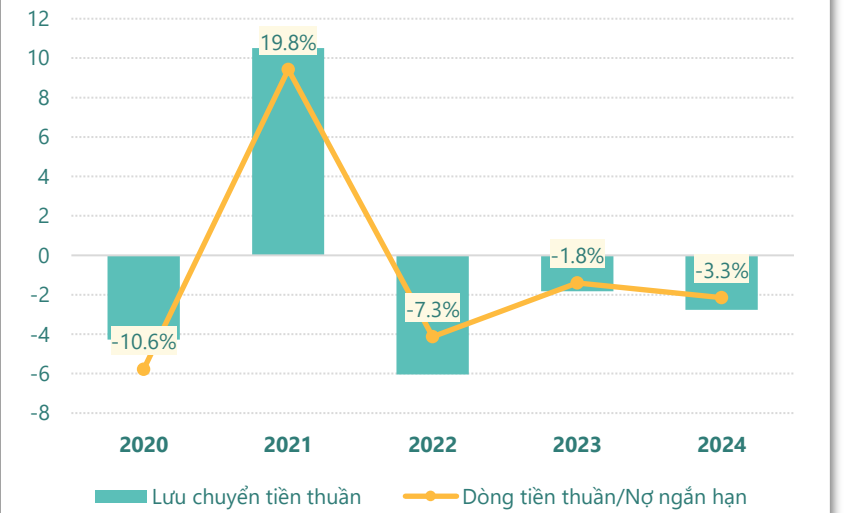
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	29.0	55.5	-47.7%	68.7	94.0	-26.9%
Giá vốn hàng bán	27.7	50.0	-44.7%	67.2	85.4	-21.3%
Lợi nhuận gộp	1.38	5.51	-74.9%	1.52	8.60	-82.3%
Doanh thu HĐTC	0.52	0.22	136%	0.69	0.46	50.8%
Chi phí TC	1.17	1.58	-25.8%	2.23	3.20	-30.3%
Chi phí lãi vay	1.17	1.58	-25.8%	2.23	3.20	-30.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.21	-100%	0.01	0.41	-98.2%
Chi phí QLDN	0.56	1.16	-52.0%	1.10	1.90	-42.2%
LN thuần từ HĐKD	0.17	2.79	-93.8%	-1.13	3.55	-132%
Lợi nhuận khác	0.21	-0.26	182%	2.03	-0.26	881%
LN trước thuế	0.39	2.53	-84.7%	0.91	3.29	-72.4%
Lợi nhuận sau thuế	0.24	1.97	-88.1%	0.49	2.43	-79.7%
LNST của CĐ cty mẹ	0.24	1.97	-88.1%	0.49	2.43	-79.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.60	-2.01	1.78	4.13	7.82	53.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.80	-0.04	1.94	-0.86	1.28	-46.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.52	-0.03	-6.65	-3.34	0.63	-18.9
Tiền đầu kỳ	5.68	8.00	5.92	2.98	2.92	12.6
Lưu chuyển tiền thuần	2.32	-2.08	-2.94	-0.07	9.73	-12.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.00	5.92	2.98	2.92	12.6	0.27

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	179	192	-6.9%
Tài sản ngắn hạn	156	165	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	0.27	2.92	-90.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.0	15.4	10.1%
Phải thu ngắn hạn	132	67.9	95.2%
Hàng tồn kho	5.85	78.2	-92.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	0.18	119%
Tài sản dài hạn	23.1	27.7	-16.4%
Phải thu dài hạn	0.26	0.40	-35.8%
Tài sản cố định	20.2	24.6	-17.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.75	0.75	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.60	0.60	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.28	1.30	-1.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70.8	84.5	-16.2%
Nợ ngắn hạn	70.6	84.0	-16.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.2	61.2	-29.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.4	19.5	24.8%
Nợ dài hạn	0.18	0.44	-58.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.18	0.44	-58.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	108	108	0.5%
Vốn chủ sở hữu	108	108	0.5%
Vốn điều lệ	94.6	94.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

